TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22/10/2019.
V/v Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THUỶ - TP.CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: bà **Từ Thanh Đào**

- *Các Hội thẩm nhân dâ*n: 1. Ông **Nguyễn Việt Thành.**

2. Ông **Huỳnh Văn Nhân.**

Thư ký phiên toà: bà **Nguyễn Thị Hài** - Thư ký Toà án nhân dân quận Bình Thuỷ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ: Ông **Phạm Văn Tú** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại Toà án nhân dân quận Bình Thuỷ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2019/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019. Về vụ kiện: "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 595/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1985. Địa chỉ: khu vực B, phường L, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên hệ: , khu công nghiệp M, huyện B, tỉnh Bình Dương.

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1987. Địa chỉ: khu vực B, phường L, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn N tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu cả hai sống hạnh phúc có được 01 con chung là Nguyễn T (nam), sinh ngày 17/12/2012. Thời gian sau, cả hai xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N bất đồng quan điểm sống. Nay, bà thấy rằng cuộc hôn nhân này không hạnh phúc nên bà gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 01 con là cháu L, bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án ly hôn giữa bà và ông N. Về con chung: bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con là cháu L đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét mối quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện ly hôn với Nguyễn Văn N và yêu cầu giải quyết nuôi con , nên xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa công dân và công dân được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Văn N đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được đồng thời căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyển số I/2011 của Ủy ban nhân dân phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ cấp ngày 11/8/2011 giữa nguyên đơn là Nguyễn Thị Đ, bị đơn là Nguyễn Văn N là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do giữa bà Đ và ông N bất đồng quan điểm sống. Nay, bà thấy rằng cuộc hôn nhân này không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ giải quyết cho bà được ly hôn với ông N. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung : bà Đ xác định có 01 con chung là Nguyễn T(nam), sinh ngày 17/12/2012. Bà Đ có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Bà Đ không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Và theo bà Đ trình bày hiện cháu L đang sinh sống ổn định với bà, bà là người trực tiếp, chăm sóc cháu L. Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ đối với bị đơn để đến Tòa án giải quyết vụ án ly

hôn, nuôi con với bà Đ. Tuy nhiên, đến nay ông N vẫn vắng mặt. Do đó, việc ông N vắng mặt là tự tước đi quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên bà Đ có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu L là hoàn toàn có cơ sở. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu của nguyên đơn phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Dành quyền thăm nom , chăm sóc, giáo dục con chung cho ông N không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung, về nợ chung: bà Đ cho rằng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, theo quy định pháp luật do vắng mặt ông N nên tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[2.4] Về án phí: bà Đ phải chịu án phí vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng*:*

- Điều 51, 56,58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn T (nam), sinh ngày 17/12/2012 cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom , chăm sóc, giáo dục con chung cho ông N không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 009663 ngày 01/3/2019 thành án phí. Nguyên đơn đã nộp xong tiền án phí.

Trong hạn 15 ngày: kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Từ Thanh Đào

* Nơi nhận:
- Các đương sự.
- UBND P. L.
- VKS ND Q.BT
- Chi cục THADS Q.BT.
- TAND TP.CT.
- Lưu hồ sơ vụ án.